

BIỂU TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH KẾ HOẠCH VỐN ĐÃ BỐ TRÍ VÀ DỰ KIẾN BỐ TRÍ

Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai

STT	Tên dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư	Thời gian thực hiện dự án theo quy định	Kế hoạch vốn để thực hiện dự án (giai đoạn 2021-2025)	Kế hoạch vốn dự kiến bố trí (giai đoạn 2021-2025)	Kế hoạch vốn đã bố trí (2021-2022) theo kế hoạch giao						Kế hoạch vốn còn lại dự kiến bố trí (2022-2025)													Ghi chú						
						Tổng số	Năm 2021			Năm 2022			Tổng số	Năm 2022			Năm 2023				Năm 2024			Năm 2025							
							Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)	Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT)	Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới)		Phân cấp cân đối theo tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết 63/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Kết dư ngân sách huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Kết dư ngân sách huyện	Nguồn thu tiền sử dụng đất trong cân đối	Nguồn tăng thu ngân sách huyện	Kết dư ngân sách huyện								
	Tổng cộng			32,699	32,699	11,658	2,630	1,240	870	600	2,630	870	2,818	21,041	968	2,818	300	1,000	2,630	870	62	3,000	300	1,682	3,000	300	811	3,000	300		
1	Trường mầm non Tuổi Ngọc (phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2021-2023	7,980	7,980	4,300	2,130	1,240			930			3,680		2,818	300		562												
2	Trường mầm non Măng Non (bếp ăn, nhà công vụ)	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	2021-2023	5,035	5,035	2,200	500				1,700			2,835					2,068			767									
3	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hàng mục phụ trợ khác)	Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2021-2023	4,340	4,340	1,740			870			870		2,600					870			1,730									
4	Công trình Đường ĐĐT30 (N52-N54)	Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	2022-2024	3,691	3,691	3,018				200			2,818	673	611						62										
5	Công trình Đường ĐĐT32 (N55-N58)	Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/7/2021	2022-2024	4,842	4,842	200				200				4,642	357							503	300	182	3,000	300					
6	Công trình Đường ĐĐT31 (N57-N54)	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2023-2025	6,811	6,811	200				200				6,611				1,000						1,500			811	3,000	300		